

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN LỆ THU*

Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước là một trong những nội dung trọng tâm của quản lý nhà nước về tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước và phát triển bền vững. Mặc dù hệ thống pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường ở Việt Nam đã có nhiều bước hoàn thiện, đặc biệt sau khi Luật Tài nguyên nước năm 2023 được ban hành, nhưng quá trình thực thi vẫn còn bộc lộ những bất cập trong các quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả ô nhiễm. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả kiểm soát ô nhiễm nguồn nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tài nguyên nước; kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; nâng cao hiệu quả; Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Water pollution control is a key component of state management of water resources, aiming to ensure water security and promote sustainable development. Although Vietnam's legal framework on water resources and environmental protection has been significantly improved, particularly following the enactment of the 2023 Law on Water Resources, its implementation continues to reveal shortcomings in regulations concerning pollution prevention, detection, enforcement, and remediation. Based on an analysis of the current legal framework and its practical implementation, the article proposes several solutions to improve the law and enhance the effectiveness of water pollution control in the current period.

Keywords: Water resources; water pollution control; enhancing effectiveness; 2023 Law on Water Resources.

NGÀY NHẬN: NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: NGÀY DUYỆT: 17/7/2026

Email: Tomphuongthao@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1562>

1. Đặt vấn đề

Tài nguyên nước là nền tảng bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia, song đang chịu áp lực ngày càng lớn từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi môi trường. Vì vậy, việc kiểm soát ô nhiễm nguồn nước trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm

an ninh nguồn nước và bảo vệ hệ sinh thái. Mặc dù Luật Tài nguyên nước năm 2023 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động này, song, việc tổ chức thực hiện vẫn còn gặp

* TS, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

không ít khó khăn, vướng mắc. Trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát ô nhiễm nguồn nước trong thời gian tới.

2. Thực trạng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước

2.1. Các quy định về phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước

Phòng ngừa là biện pháp hiệu quả nhất để kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Trên cơ sở đó, pháp luật về tài nguyên nước đã thiết lập nhiều công cụ nhằm phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm ngay từ giai đoạn trước khi các hoạt động khai thác, sử dụng nước hoặc xả thải được thực hiện, bao gồm:

(1) *Quy định về lập quy hoạch tài nguyên nước.* Điều 13 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh: “Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa phương trên lưu vực sông, từng vùng, điều kiện cụ thể của từng lưu vực sông, khả năng đáp ứng của nguồn nước và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước (Quốc hội, 2023); đồng thời, phải “phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra” (Quốc hội, 2023, Điều 16). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, tiến độ xây dựng và ban hành quy hoạch còn chậm, đến năm 2022, Quy hoạch tài nguyên nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 mới được ban hành, ảnh hưởng đến hiệu quả định hướng quản lý và phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước.

(2) *Quy định về quy chuẩn kỹ thuật.* Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam (QCVN) là công cụ pháp lý quan trọng nhằm kiểm soát chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường. Nếu trước đây, các quy chuẩn về nước thải công nghiệp được quy định phân mảnh trong nhiều quy chuẩn khác nhau thì từ năm 2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ban hành QCVN

40:2025/BTNMT thay thế 11 quy chuẩn cũ, thống nhất đầu mối quản lý đối với nước thải công nghiệp. Quy chuẩn mới đã khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong các tiêu chí kiểm soát nước thải; đồng thời, phân nhóm rất rõ giới hạn xả thải dựa trên tổng lưu lượng xả thải, bảo đảm nguyên tắc cơ sở có quy mô xả thải càng lớn thì yêu cầu về bảo vệ môi trường càng nghiêm ngặt hơn.

Bên cạnh những ưu điểm đó, việc áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT cũng đặt ra không ít khó khăn trong thực tiễn. Cụ thể, số lượng thông số kiểm soát tăng từ 33 lên 61 tiêu chí, làm gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ của doanh nghiệp do phải đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải, tăng chi phí hóa chất xử lý, tăng năng lượng tiêu thụ để duy trì sự ổn định của hệ thống xử lý. Đồng thời, việc bãi bỏ các quy chuẩn ngành chuyên biệt, như: dệt nhuộm, y tế, chế biến thủy sản... để áp dụng chung một quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNM cũng tạo ra nhiều bất cập đối với các ngành có đặc tính nước thải đặc thù. Chẳng hạn, ngành dệt nhuộm, thuộc da có nước thải có độ màu rất cao, độ mặn lớn và chứa nhiều hợp chất hữu cơ khó phân hủy sinh học, khi áp dụng chung quy chuẩn với các ngành công nghiệp nhẹ, doanh nghiệp thường phải đầu tư nguồn lực tài chính lớn cho hệ thống xử lý nước thải, có thể vượt quá biên lợi nhuận của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngắn hạn.

(3) *Quy định về cấp giấy phép tài nguyên nước.* Giấy phép về tài nguyên nước là công cụ phòng ngừa quan trọng nhằm kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả thải ngay từ trước khi dự án đi vào hoạt động. Tuy nhiên, thẩm quyền cấp phép theo quy định thuộc về nhiều cơ quan khác nhau, chưa có cơ quan chịu trách nhiệm cấp Giấy phép chung. Cụ thể: Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô

khai thác nước lớn; công trình khai thác nước có tác động ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh; trong khi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh được trao quyền cấp giấy phép tài nguyên nước đối với các trường hợp còn lại. Việc phân tán thẩm quyền này sẽ dẫn đến hai vấn đề: khó kiểm soát toàn diện triệt để nguồn nước thải; trao quá nhiều quyền lực cho UBND cấp tỉnh, trong khi năng lực của nhiều cơ quan còn yếu, có thể làm gia tăng nguy cơ sai sót, thậm chí phát sinh vi phạm trong quá trình cấp phép.

Mặt dù điều kiện để được cấp giấy phép là phải có báo cáo, đề án phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước và phương án, biện pháp xử lý nước thải phải bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, song, trong các báo cáo, đề án, phương án này chỉ mang tính dự báo, được thực hiện trước khi thực hiện dự án, dẫn đến phần lớn các điều kiện này sẽ đáp ứng quy định. Do đó, việc đáp ứng các điều kiện cấp phép chưa đồng nghĩa với khả năng kiểm soát hiệu quả các rủi ro môi trường (như: sự cố môi trường biển do Công ty Formosa gây ra là một minh chứng điển hình).

2.2. Các quy định về phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước

Pháp luật về tài nguyên nước còn thiết lập các cơ chế nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Các cơ chế này được thực hiện thông qua việc phân định thẩm quyền quản lý nhà nước, hoạt động thanh tra, kiểm tra và các chế tài xử lý vi phạm. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy, các quy định này vẫn còn nhiều hạn chế, làm giảm hiệu quả kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.

(1) Các quy định về thẩm quyền quản lý còn chồng chéo.

Theo Luật Tài nguyên nước năm 2023, việc quản lý nguồn nước được thực hiện bởi nhiều cơ quan khác nhau theo địa giới hành

chính thay vì lưu vực sông. Điều này dẫn đến tình trạng, cùng một nguồn nước nhưng có nhiều cơ quan khác nhau cùng quản lý, do đó, sẽ có nhiều văn bản hành chính khác nhau cùng điều chỉnh. Trong khi đó, ô nhiễm nguồn nước có tính lan truyền, không giới hạn trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh mà có thể ảnh hưởng đến nhiều địa phương trong cùng lưu vực sông. Ví dụ: UBND cấp tỉnh ở thượng nguồn cho phép nhiều nhà máy dệt nhuộm, khai khoáng xả thải đúng quy chuẩn, nhưng khi dòng nước chảy xuống hạ nguồn, tổng tải lượng ô nhiễm có thể vượt quá sức chịu tải của nguồn nước, gây thiệt hại cho hoạt động nuôi trồng thủy sản của tỉnh phía dưới. Điều này cho thấy, cơ chế quản lý theo địa giới hành chính chưa bảo đảm kiểm soát tổng thể đối với chất lượng nguồn nước theo lưu vực.

(2) *Hoạt động thanh tra, kiểm tra còn nhiều bất cập.* Công tác này vẫn còn chậm trễ do lực lượng thực thi còn mỏng. Hiện nay, hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ yếu do hai lực lượng là thanh tra môi trường và cảnh sát môi trường thực hiện. Trong đó, thanh tra môi trường có chuyên môn sâu về lĩnh vực môi trường nhưng không có thẩm quyền điều tra, đấu tranh đối với các hành vi vi phạm; ngược lại, cảnh sát môi trường có thẩm quyền điều tra nhưng mức độ am hiểu chuyên sâu về kỹ thuật môi trường và đánh giá mức độ nguy hại của các hành vi vi phạm lại không bằng lực lượng thanh tra môi trường. Sự phân tán về chức năng, nhiệm vụ này làm giảm hiệu quả phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.

(3) *Quy định về xử lý vi phạm pháp luật đối với các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước còn nhiều hạn chế.* Theo quy định hiện hành, các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước được xử lý bằng các biện pháp hành chính và hình sự. Tuy nhiên, quá trình áp dụng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, như:

Thứ nhất, mức xử phạt vi phạm hành chính chưa bảo đảm tính răn đe. Theo Điều 5 Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước là 250.000.000 đồng đối với cá nhân và 500.000.000 đồng đối với tổ chức. So với chi phí xây dựng hệ thống xử lý nước thải thì khoản tiền phạt này “rẻ” hơn nhất nhiều dẫn đến nhiều doanh nghiệp lựa chọn nộp phạt hành chính. Đối với hành vi xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường, theo Điều 18, Điều 19 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định mỗi hành vi xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có PH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật, mức phạt cao nhất không quá 1 tỷ đồng... (Chính phủ, 2022). Ví dụ, trong vụ xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường của Công ty Formosa (Hà Tĩnh), Công ty này đã mắc 53 lỗi vi phạm (Đỗ Hương, 11/7/2016) và phải bồi thường 11.500 tỷ đồng (Nguyễn Hà, 30/6/2016).

Thứ hai, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xả thải vượt quá quy chuẩn gặp nhiều khó khăn. Theo quy định tại Điều 235, Điều 237 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), mức cao nhất của khung hình phạt đối với hành vi này chỉ là 10 năm, chưa tương xứng với hậu quả của hành vi. Mặt khác, có rất ít vụ việc gây ô nhiễm nguồn nước bị truy cứu trách nhiệm hình sự do không định lượng được hậu quả của hành vi, điển hình như vụ Formosa, vụ Công ty Vedan xả nước thải xuống sông Thị Vải đều không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.3. Các quy định về khắc phục ô nhiễm nguồn nước

Theo *Lược Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), hai biện

pháp khắc phục hậu quả chủ yếu được áp dụng đối với các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước là “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” hoặc “buộc khôi phục lại tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm do vi phạm hành chính gây ra” và “buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường”. Tuy nhiên, việc quy định biện pháp “khôi phục lại tình trạng ban đầu” là không phù hợp, bởi lẽ khi nguồn nước đã bị ô nhiễm thì gần như không thể khôi phục lại chất lượng nước như trước khi bị ô nhiễm mà chỉ có thể khắc phục tình trạng ô nhiễm.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm cũng chưa thật sự hợp lý. Nếu vi phạm hành chính làm thay đổi hiện trạng ban đầu nhưng không liên quan đến ô nhiễm môi trường thì áp dụng biện pháp “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu”, những vi phạm hành chính gây ô nhiễm môi trường phải áp dụng biện pháp “buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường” mới có khả năng khắc phục hậu quả xấu do hành vi gây ô nhiễm môi trường gây ra (Cao Vũ Minh, 2021, tr. 37). Tuy nhiên, một số quy định của pháp luật hiện hành chưa bảo đảm nguyên tắc này. Chẳng hạn, Điều 29 Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định đối với hành vi “Làm tràn đổ chất thải nguy hại hoặc để xảy ra sự cố tràn đổ chất thải nguy hại ra môi trường đất, nước ngầm, nước mặt gây ô nhiễm môi trường” thì bị áp dụng biện pháp “buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm gây ra”. Tuy nhiên, đối với hành vi này cần áp dụng biện pháp “buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường”, bởi đây mới là biện pháp phù hợp với bản chất của hậu quả đã xảy ra.

3. Một số giải pháp

Một là, hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước

theo hướng quản lý tổng hợp và quản lý rủi ro. Trước hết, cần đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh và công bố quy hoạch tài nguyên nước theo từng lưu vực sông, bảo đảm cập nhật thường xuyên các biến động về nguồn nước, tác động của biến đổi khí hậu và sức chịu tải của nguồn tiếp nhận. Đối với hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, cần nghiên cứu rà soát QCVN 40:2025/BTNMT theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, vừa phù hợp với đặc thù của từng ngành sản xuất. Đối với những ngành có nước thải đặc thù, như: dệt nhuộm, thuộc da, chế biến thủy sản hoặc y tế, cần xây dựng các phụ lục kỹ thuật hoặc quy chuẩn chuyên ngành nhằm giảm áp lực tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu kiểm soát ô nhiễm.

Hai là, hoàn thiện cơ chế quản lý nguồn nước theo lưu vực sông, khắc phục tình trạng chồng chéo về thẩm quyền. Đặc điểm của nguồn nước là có tính liên thông và không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Vì vậy, cần chuyển mạnh từ phương thức quản lý theo địa giới hành chính sang quản lý theo lưu vực sông. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường với UBND các tỉnh trong cùng lưu vực; đồng thời, nâng cao vai trò của các tổ chức điều phối lưu vực sông trong việc giám sát, điều hòa, phân bổ và bảo vệ nguồn nước. Bên cạnh đó, cần rà soát lại cơ chế cấp giấy phép tài nguyên nước theo hướng tăng cường sự thống nhất trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giấy phép tài nguyên nước và kết nối dữ liệu giữa trung ương với địa phương nhằm kiểm soát đồng bộ các hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả thải.

Ba là, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra và giám sát nguồn thải trên cơ sở ứng dụng công nghệ số. Để kịp thời phát hiện các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước, cần tăng cường năng lực của lực lượng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; đồng thời, rà soát, phân

định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa thanh tra môi trường và cảnh sát môi trường nhằm hạn chế tình trạng chồng chéo trong hoạt động thực thi. Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên nước thông qua việc xây dựng hệ thống quan trắc tự động, giám sát trực tuyến đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao; kết nối dữ liệu quan trắc với cơ quan quản lý nhà nước để phát hiện sớm các hành vi xả thải vượt quy chuẩn. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong giám sát, phản ánh các hành vi vi phạm về môi trường.

Bốn là, hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Cần nghiên cứu sửa đổi các quy định về xử phạt vi phạm hành chính theo hướng nâng mức xử phạt đối với các hành vi gây ô nhiễm nghiêm trọng, bảo đảm tương xứng với lợi ích kinh tế mà tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm và chi phí khắc phục hậu quả. Đồng thời, bổ sung cơ chế tính mức phạt dựa trên lưu lượng xả thải, mức độ vượt quy chuẩn và quy mô thiệt hại để tăng tính răn đe. Đối với trách nhiệm hình sự, cần nghiên cứu hoàn thiện các quy định của *Bộ luật Hình sự* theo hướng cụ thể hóa phương pháp xác định tải lượng chất ô nhiễm, cơ chế giám định thiệt hại môi trường và nguyên tắc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xả thải với hậu quả xảy ra. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao khả năng áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng.

Năm là, hoàn thiện các quy định về khắc phục hậu quả và phục hồi nguồn nước sau ô nhiễm. Pháp luật cần được sửa đổi theo hướng phân biệt rõ giữa biện pháp “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” và “buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường”. Đối với các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước, cần ưu tiên áp dụng biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi

môi trường thay vì yêu cầu khôi phục nguyên trạng trong những trường hợp không thể thực hiện trên thực tế. Đồng thời, cần bổ sung cơ chế cưỡng chế thi hành đối với các quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp tổ chức, cá nhân không tự nguyện thực hiện thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc khắc phục, sau đó buộc đối tượng vi phạm hoàn trả toàn bộ chi phí phát sinh. Đây là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục tình trạng chây ỳ trong thi hành quyết định xử phạt.

Sáu là, tăng cường nguồn lực và phát huy sự tham gia của toàn xã hội trong kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước không chỉ là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước mà cần có sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội. Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư nguồn lực cho hệ thống quan trắc môi trường nước, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý tài nguyên nước ở cả trung ương và địa phương. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế công khai thông tin về chất lượng nguồn nước, nguồn thải và kết quả thanh tra, kiểm tra để người dân có điều kiện giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn và công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát ô nhiễm nguồn nước và bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

4. Kết luận

Trong bối cảnh tài nguyên nước đang chịu nhiều sức ép từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu, việc kiểm soát ô nhiễm nguồn nước không chỉ là yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường mà còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm an ninh nguồn nước và phát triển bền vững. Việc xây

dựng một cơ chế pháp lý đầy đủ, thống nhất và có tính khả thi sẽ tạo nền tảng để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; đồng thời, định hướng các chủ thể khai thác, sử dụng nguồn nước theo hướng có trách nhiệm và bền vững hơn. Trong thời gian tới, cùng với quá trình tiếp tục hoàn thiện thể chế, cần đổi mới tư duy quản lý theo hướng lấy phòng ngừa làm trọng tâm, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong giám sát, quản lý nguồn nước, phát huy sự tham gia mạnh mẽ của toàn xã hội trong bảo vệ tài nguyên nước. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng môi trường nước, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và thực hiện các cam kết về phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn mới □

Tài liệu tham khảo:

- Bài viết là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước nhằm đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay, mã số HUNRE.2026.07.06.
- Đỗ Hương. (11/7/2016). *Formosa Hà Tĩnh mắc 53 vi phạm*. <https://baochinhphu.vn/formosa-ha-tinh-mac-53-vi-pham-102205596.htm>
- Chính phủ. (2022). *Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*.
- Chính phủ. (2025). *Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước*.
- Cao Vũ Minh. (2021). Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 19 (443), tr. 37.
- Nguyễn Hà. (30/6/2016). *Formosa xin lỗi gây ô nhiễm biển miền Trung, cam kết bồi thường*. <https://vneconomy.vn/formosa-xin-loi-gay-o-nhiem-bien-mien-trung-cam-ket-boi-thuong.htm>
- Quốc hội. (2013). *Luật Tài nguyên nước năm 2023*.